

BÁO CÁO THỐNG KÊ
Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính
(Từ ngày 13/09/2024 đến ngày 10/10/2024)

STT	Tên cơ quan	Hồ sơ kỳ trước chuyển sang	Hồ sơ tiếp nhận								Tổng hồ sơ phải xử lý	Hồ sơ xin hủy		Hồ sơ đã xử lý								Hồ sơ đang xử lý
			Tổng hồ sơ phát sinh trong kỳ	Phát sinh trong kỳ			Lũy kế					Phát sinh trong kỳ	Lũy kế	Phát sinh trong kỳ				Lũy kế				
				Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4				Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	
A	B	(1)	(2)=(3)+(4)+(5)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)+(9)	(7)	(8)	(9)	(10)=(1)+(2)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)+(16)	(14)	(15)	(16)	(17)=(18)+(19)+(20)	(18)	(19)	(20)	(21)=(10)-(11)-(13)
1	Ban Quản lý Khu Kinh tế	1	0	0	0	0	30	15	3	12	1	0	0	1	0	0	1	31	15	4	12	0
2	Bảo hiểm Xã hội	391	2.590	970	0	1.620	22.517	10.666	0	11.851	2.981	0	0	2.613	1.057	0	1.556	22.551	10.716	0	11.835	368
3	Công an tỉnh	9.273	2.454	1.401	1.053	0	19.888	8.556	11.332	0	11.727	0	0	692	375	317	0	10.518	3.762	6.756	0	11.035
4	Sở Giao thông Vận tải	180	2.301	2.301	0	0	21.892	21.892	0	0	2.481	0	0	2.222	2.222	0	0	21.889	21.889	0	0	263
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	23	412	102	310	0	5.039	1.368	3.671	0	435	0	0	405	95	310	0	5.094	1.423	3.671	0	30
6	Công ty CP Điện nước An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Công ty Điện lực An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Sở Công Thương	33	4.149	1	24	4.124	35.392	15	368	35.009	4.182	15	120	4.153	0	19	4.134	35.348	13	366	34969	14
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	251	145	94	20	31	27.109	728	90	26.291	396	10	39	350	96	0	254	27.072	720	68	26284	36
10	Sở Khoa học và Công nghệ	5	6	0	4	2	73	0	41	32	11	0	1	9	0	6	3	74	0	43	31	2
11	Sở Lao động, Thương binh và XH	21	27	0	19	8	505	1	435	69	48	0	46	32	0	23	9	468	1	405	62	16
12	Sở Ngoại vụ	1	3	0	3	0	22	0	22	0	4	0	0	4	0	4	0	22	0	22	0	0
13	Sở Nông nghiệp và PT Nông Thôn	51	196	6	173	17	1.906	41	1.487	378	247	20	109	164	5	140	19	1.773	39	1362	372	63
14	Sở Nội vụ	10	36	0	0	36	472	37	2	433	46	0	22	36	0	0	36	444	37	2	405	10
15	Sở Thông tin và Truyền thông	3	6	0	1	5	63	0	9	54	9	1	6	7	0	2	5	63	0	6	57	1
16	Sở Tài chính	0	2	0	0	2	19	0	3	16	2	0	2	2	0	0	2	17	0	1	16	0
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	36	46	1	43	2	726	246	454	26	82	0	4	44	0	43	1	768	322	424	22	38
18	Sở Tư pháp	444	1.430	496	359	575	13.365	6.106	3.446	3.813	1.874	4	38	1.348	526	212	610	13.353	6129	3444	3780	522
19	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9	64	0	3	61	552	0	31	521	73	3	34	67	0	2	65	524	0	28	496	3
20	Sở Xây dựng	89	211	0	60	151	1.483	200	401	882	300	27	245	140	0	39	101	1.203	223	233	747	133
21	Sở Y tế	261	256	0	130	126	2.474	44	1.109	1.321	517	3	50	252	2	132	118	2.498	44	1067	1387	262
Tổng cộng		11.082	14.334	5.372	2.202	6.760	153.527	49.915	22.904	80.708	25.416	83	716	12.541	4.378	1.249	6.914	143.710	45.333	17.902	80.475	12.796

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Phan Thị Như Huỳnh

Nguyễn Thanh Hùng